TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày 25 tháng 11 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Sức và ông Lê Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện và ông Nguyễn Văn Lộc- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoài N, sinh ngày 01/01/2000, tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1979 (đã chết); Vợ: Thạch Thị Minh C, sinh năm 2001; Con: Có 02 người, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019; Anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2025 cho đến nay, tại Phân trại tạm giam A; (có mặt tại phiên toà).

2. Trần Văn B, sinh ngày 20/03/1997, tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ẤẤp Thượng A, xã P, tỉnh An Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo H3; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Con ông Trần Văn D, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1961 (đã chết); A, chị, em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ bảy; Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 18/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Không tố giác tội phạm", đã chấp hành xong thời gian thử thách vào ngày 18/01/2021.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam A; (có mặt tại phiên toà).

3. Lê Trung H, sinh ngày 28/02/1990, tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo H3; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Con ông Lê Văn H1, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Hồ Thị P, sinh năm 1952; Vợ: Huỳnh Thị D1, sinh năm 1985 (không còn sống chung); Con: Có 01 người tên Lê Thị Trúc Q, sinh năm 2013; Anh em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam A; (có mặt tại phiên toà).

4. Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/8/2004, tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, tỉnh An Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo H3; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Con ông Nguyễn Văn T1, chưa rõ năm sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thúy L2, sinh năm 1982; Anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 29/11/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 26/10/2024 chấp hành xong hình phạt tù, đã thi hành xong về án phí và phần trách nhiệm dân sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2025 cho đến nay, tại Phân trại tạm giam A; (có mặt tại phiên toà).

5. Trần Văn N1, sinh ngày 19/05/1996, tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; Qiới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo H3; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Con ông Trần Vĩnh L3, sinh năm 1973 và bà Lê Thị D2, sinh năm 1979; Vợ: Trần Thị Thúy U, sinh năm 1999 (không đăng ký kết hôn); Con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2022; Anh, em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ hai; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 27/9/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", đến ngày 20/6/2024 chấp hành xong án phạt tù, chưa thi hành về khoản án phí và trách nhiệm dân sự.

Về nhân thân:

- Ngày 11/12/2012, bị Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thời gian 02 năm về hành vi "cố ý gây thương tích".

- Ngày 17/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 07/5/2018, đã thi hành xong các phần còn lại của bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2025 cho đến nay, tại Phân trại tạm giam A; (có mặt tại phiên toà).

6. Trần Hải Â, sinh ngày 01/01/1985 tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn T2, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Bùi Thị N2, sinh năm

1955; Vợ: Nguyễn Thị Thúy L2, sinh năm 1986; Con: Có 02 người, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2023; Anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dung biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt tại phiên toà).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị Cẩm S, sinh năm 1982, là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A bào chữa cho bị cáo Lê Trung H; (có mặt).

- *Bị hại:* Ông Mai Văn Q1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện nay: Ấp M, xã P, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Thúy U, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; (có mặt).

2. Bà Phạm Thị Thúy H2, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

3. Bà Thạch Thị Minh C, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; (có mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1997; Bà Nguyễn Thị Thúy L2, sinh năm 1986; Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977; Bà Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1999; Ông Bùi Nhựt P1, sinh năm 1986 (tất cả đều vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/3/2025, Trần Hải Â, sinh năm 1985 biết được việc Nguyễn Thị Thúy L2 (vợ của Â) có vay tiền lãi suất cao của người đàn ông lạ (không rõ họ, địa chỉ) mất khả năng chi trả, bị gọi điện đòi tiền, đe dọa khủng bố tinh thần, nên Â điện thoại cho Nguyễn Hoài N, sinh năm 2000 thông tin cho Hoài N biết và nhờ đi tìm người đàn ông này. Sau đó, H rủ Trần Văn B, sinh năm 1997 đi tìm người điện thoại đe dọa L2 để đánh và lấy tiền tiêu xài thì B đồng ý, nên Hoài N điều khiển xe mô tô biển số 67K1-351.32 chở B đến nhà Lê Trung H, sinh năm 1990, tại đây N rủ H đi tìm đánh người và kiếm tiền thì H cũng đồng ý đi cùng. Khi đi, Hoài N mang theo 01 bình xịt hơi cay, B mang theo 01 gậy ba khúc để trong người.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, H gặp Mai Văn Q1, sinh năm 1992 là người đe dọa L2 đang ngồi trong quán cà phê "Xanh Mát" thuộc ấp T, xã P, tỉnh An Giang, nên điện thoại cho Â biết, rồi Hoài N cùng H và B đi đến chỗ Q1 đang ngồi, Hoài N giật lấy điện thoại di động của Q1 đang cầm, tiếp đó B và H câu cổ kéo Q1 ra trước quán đưa lên xe để Hoài Nam chở đi, nhưng Q1 không đồng ý, phản kháng thì bị B dùng gậy ba khúc đánh vào lưng, H cầm nón bảo hiểm đánh vào người Q1. Trong lúc giằng co, Q1 bị đánh và không thể kháng

cự, B đã lấy 2.450.000 đồng trong túi quần phía sau của Q1. Sau đó, Hoài N, B và H kéo Q1 vào bên trong góc quán cà phê rồi tiếp tục giữ, đánh và chửi Q1. Lúc này, Q2 và L4 (bạn của Q1, không rõ họ, địa chỉ) chạy xe mô tô đến trước quán thì bị Hoài N dùng bình xịt hơi cay xịt vào người nên Q2 và L4 bỏ chạy, để lại xe mô tô trước quán. Cùng lúc, Trần Văn N1, sinh năm 1996 đang điều khiển xe mô tô biển số 67K1 042.74 chở Nguyễn Minh T, sinh năm 2004 là bạn của Hoài N đi ngang quán cà phê gặp Hoài Nam nên vào quán và hỏi thì Hoài N cho biết "bắt người cho vay nặng lãi" nên T và Văn N1 đi vào quán, Văn N1 lớn tiếng chửi Q1, còn T thì đứng đó tiếp giữ Q1 cùng với Hoài N, B, H không cho Q1 trốn chạy.

Đến khoảng 14 giờ 15 phút, Â điều khiển xe mô tô biển số 66N1-138.94 đến bảo Hoài N đưa Q1 ra sân bóng đá, Q1 chống cự tri hô, không đồng ý lên xe thì B, H và T giữ tay buộc Q1 lên xe, Â điều khiển xe chở Q1 ngồi giữa, B ngồi phía sau, cùng lúc H, H, T, Văn N1 điều khiển xe chạy đến sân bóng đá (cách đó khoảng 300 mét). Tại đây, Â nói với Q1 về việc điện thoại chửi và dọa cắt cổ, rồi bảo Q1 đem 50.000.000 đồng đến cho mỗi người mượn 10.000.000 đồng và trả góp hàng tháng. Lúc này, Bùi Nhựt P1 và Nguyễn Hồng T3 (là Công an xã P) điều khiển xe mô tô chạy đến hỏi sự việc, Hoài N lấy điện thoại đã giữ của Q1 trước đó đưa cho Â và P1 kiểm tra nhưng không thấy có số điện thoại của L2 trong điện thoại nên P1 và T3 bỏ về. Sau đó, Q1 nói "Mấy anh để cho em làm ăn ở địa bàn này và gửi mấy anh 5.000.000 - 10.000.000 đồng uống cà phê", Hoài Nam không đồng ý, trả lại điện thoại của Q1 và bảo Q1 gọi cho người nhà đem 15.000.000 đồng đến chuộc Q1 và xe. Thấy vậy, Q1 điện thoại cho Nguyễn Thị Kiều M (vợ của Q1) đem tiền đến. Lúc này, Â, T và Văn N1 điều khiển xe về, còn H, B và H ở lại. Một lúc sau, M đem tiền đến đưa cho Hoài N, nhưng Hoài N không lấy mà kêu B và H lấy, thì B và H cũng không lấy nên Hoài N kêu M để tiền xuống đất nhưng M không đồng ý và yêu cầu chụp hình, quay video lại khi giao nhận tiền, Hoài Nam không đồng ý thì M nói dối là gọi điện cho người quen làm Công an nên N sợ nên không nhận tiền và kêu vợ chồng Q1 lấy xe đi về, còn Hoài N điều khiển xe mô tô biển số 67K1-351.32 chở B, H đến quán C1 thuộc ấp T, xã P, tỉnh An Giang. Tại đây, B đem 2.450.000 đồng đã lấy của Q1 đưa cho Hoài N. Khi về đến nhà, H cho B 200.000 đồng. Sau đó, Hoài N chở B đến nhà Văn N3 và đưa 150.000 đồng nhưng Văn N3 không nhận thì Trần Thị Thúy U (vợ Văn N3) nhận. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Q1 đến Công an xã P trình báo sự việc. Đến ngày 03 và ngày 04/4/2025, Hoài N, B, H, T và Văn N3 đến Công an xã P đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Trong qua trình điều tra, bị hại Mai Văn Q1 yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật. Ngày 14/11/2025 bị hại Mai Văn Q1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hoài N.

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKSKV12 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Viện

kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang đã truy tố ra trước Toà án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang để xét xử bị cáo Nguyễn Hoài N về các tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", tội "Cướp tài sản" và tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 168 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 gọi tắt là Bộ luật Hình sự); xét xử các bị cáo Trần Văn B và Lê Trung H về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự; xét xử các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Văn N1 và Trần Hải Â về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Hoài N, Trần Văn B, Lê Trung H, Nguyễn Minh T, Trần Văn N1 và Trần Hải Â khai nhận có thực hiện toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo như đã nêu trên là đúng người, đúng tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; khoản 1 Điều 170; Điều 17, Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; từ 02 năm đến 02 năm 06 tù về tội "Cướp tài sản" và từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 03 tội từ 04 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; từ 03 năm đến 03 năm 06 tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 03 năm 07 tháng đến năm 04 năm 03 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Trung H từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; từ 03 năm đến 03 năm 06 tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình

phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 02 tội từ 03 năm 07 tháng đến năm 04 măm 03 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 07 tháng 22 ngày tù; trả tự do cho bị cáo Nguyễn Minh T tại phiên toà, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn N1 07 tháng 22 ngày tù; trả tự do cho bị cáo Trần Văn N1 tại phiên toà, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 38; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Hải Â từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm tính từ ngày 25/11/2025.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự và khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 02 khóa còng số 8 có ghi chữ BỘ CÔNG AN KC bằng kim loại; 01 (một) áo thun, phía trước có ghi chữ Rakuten, phía sau có số 19 và chữ Công an T4; 01 mũ bảo hiểm màu đen không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu vàng đen, biển số 66N1-138.94, đã qua sử dụng.

Trả lại cho Phạm Thị Thúy H2 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, màu bạc đen, biển số 67K1-351.32, đã qua sử dụng;

Trả lại cho Trần Thị Thúy U 01 xe mô tô nhãn hiệu Ferroli, màu đỏ đen, biển số 67K1-042.74, đã qua sử dụng;

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị trả lại số tiền 2.450.000 đồng cho Thạch Thị Minh C. Do tại phiên tòa, bị hại Mai Văn Q1 vắng mặt, trong quá trình điều tra Q1 không yêu cầu nhận lại số tiền 2.450.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Trung H đồng ý với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo H; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo H thuộc diện hộ nghèo, nhận thức pháp luật còn hạn chế (không biết chữ), để cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất

như đề nghị của Kiểm sát sát tại phiên toà.

Bị cáo H nhất trí với bản luận cứ bào chữa nêu trên của người bào chữa, đồng thời không có bào chữa bổ sung gì khác. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo Nguyễn Hoài N, Trần Văn B, Nguyễn Minh T, Trần Văn N1 và Trần Hải Â không có ý kiến bào chữa hoặc tranh luận gì, chỉ xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Hải Â xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung, xét thấy:

[2.1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hoài N, Trần Văn B, Lê Trung H, Nguyễn Minh T, Trần Văn N1, Trần Hải Â đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã quy kết. Lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm, động cơ, mục đích phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập một cách khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

[2.2.1] Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/3/2025, tại quán cà phê "Xanh Mát" thuộc ấp T, xã P, tỉnh An Giang, các bị cáo Nguyễn Hoài N, Trần Văn B, Lê Trung H, đã có hành vi đe doạ về tinh thần, dùng vũ lực khống chế bắt giữ

Mai Văn Q1, đồng thời điện thoại cho bị cáo Trần Hải Â biết. Trong lúc giằng co, Q1 có kháng cự lại, Hoài N, B và H đã có hành vi dùng tay, hung khí đánh, khống chế Q1, để B lấy số tiền 2.450.000 đồng trong túi quần phía sau của Q1 và cất giữ trong người. Cùng lúc Nguyễn Minh T, Trần Văn N1 đi ngang qua thấy H, H, B đang bắt giữ Q1, khi nghe Hoài N nói bắt người cho vay lãi nặng, T và Văn N1 đã tham gia đe doạ, không chế với mục đích không cho Q1 bỏ chạy. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Trần Hải Â điều khiển xe mô tô đến bảo H đưa Q1 lên xe mô tô do Â điều khiển chở Q1 đến sân bóng đá (cách đó khoảng 300m). Tại đây, Nguyễn Hoài N có hành vi uy hiếp tinh thần yêu cầu Q1 gọi điện thoại cho người thân đem số tiền 15.000.000 đồng đến để chuộc Q1 và xe về.

[2.2.2] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hoài N, Trần Văn B, Lê Trung H, Nguyễn Minh T, Trần Văn N1 và Trần Hải Â đã phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; Các bị cáo Nguyễn Hoài N, Trần Văn B và Lê Trung H còn phạm thêm tội "Cướp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm; ngoài ra, bị cáo Nguyễn Hoài N còn phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Hành vi của các bị cáo Hoài N, B, H, T, V và Âu là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền tự do về thân thể của con người, của công dân. Các bị cáo Hoài N, B và H còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, tất cả các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi nêu trên của mình là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý, bất chấp sự ngăn cấm của pháp luật. Do đó, cần áp dụng một hình phạt tù tương xứng với tính chất và hành vi của từng bị cáo đã thực hiện để răng đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Trong vụ án này, tất cả các bị cáo đồng phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", trong đó có 03 bị cáo đồng phạm tội "Cướp tài sản". Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội có tính chất bộc phát, không có sự câu kết chặt chẽ và phân công vai trò của từng người nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Minh T và Trần Văn N1 có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, xét về nhân thân thì bị cáo B bị Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Không tố giác tội phạm", bị cáo Trần Văn N1 bị Toà án nhân dân huyện Phú tân, tỉnh An Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản".

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hoài N, B, H, T, Văn N1 và Â đều tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo B, H, T, Văn N1 sau khi phạm tội đã đầu thú, bị cáo Hoài N được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Văn N1, Â có con còn nhỏ, bị cáo H thuộc hộ cận nghèo, không biết chữ...nên tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoài N đã có tác động để gia đình tự nguyện nộp lại tiền đã cướp của bị hại nên được hương thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Â phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thành tích xuất sắc trong công tác, được Chủ tịch nước tặng " huy chương chiến sĩ vẻ vang", nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do đó, hội đồng xét xử có xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[7] Đối với vị cáo Nguyễn Hoài N:

[7.1] Bị cáo Hoài N là người có vai trò chính trong việc bắt, giữ Quyết trái pháp luật. Xuất phát từ việc L2 (vợ của bị cáo Â) có vay tiền của một người lạ mặt với lãi suất cao, không khả năng thanh toán, bị điện thoại đe doạ, Â nói lại sự việc cho bị cáo Hoài N biết và nhờ Hoài N đi tìm người này để hỏi chuyện. Chỉ vì tình nghĩa bạn bè với bị cáo Â và bất bình trước sự việc cho vay tiền lãi suất cao của Q1 mà bị cáo đã trực tiếp rủ B và H cùng đi tìm Q1, trong khi bị cáo không có vay mượn tiền của Q1 và cũng không có quen biết hay mâu thuẫn gì với Q1. Bị cáo là người trực tiếp điều khiển xe chở B và H đi tìm Q1, có hành vi dùng tay, hung khí đánh, khống chế, trực tiếp bắt, giữ Q1 tại quán C2 và tại sân bóng đá P, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính về tội bắt giữ, người trái pháp luật.

[7.2] Tuy bị cáo Hoài N không phải là người trực tiếp lấy tiền của Q1, nhưng đã có sự thỏa thuận trước với B và H đi đánh người để kiếm tiền, trong lúc bắt, giữ Q1, bị cáo đã có hành vi dùng tay, hung khí đánh, khống chế Q1 trong tình trạng không thể chống cự được, để bị cáo B lấy số tiền 2.450.000 đồng trong người của Q1. Sau đó, khi bị cáo B đưa số tiền này cho bị cáo Hoài N, chính bị cáo Hoài N trực tiếp chia tiền cho bị cáo B để tiêu xai cá nhân. Do đó, bị cáo Hoài N phải chịu trách nhiệm đồng phạm với bị cáo B, H về tội "Cướp tài sản".

[7.3] Ngoài ra, tại sân bóng đá P, bị cáo Hoài N còn có hành vi uy hiếp tinh thần, yêu cầu Q1 điện thoại cho người thân đem số tiền 15.000.000 đồng

đến để chuộc Q1 và xe về, nên tội phạm đã hoàn thành, bị cáo phải chịu trách nhiệm độc lập về tội Cưỡng đoạt tài sản. Việc bị cáo chưa nhận được tiền là do yếu tố khách quan, sợ M (vợ của Q1) quay phim lại, tố cáo với cơ quan có thẩm quyền, nên mới cho Q1 ra về.

[7.4] Bị cáo Hoài N phạm nhiều tội danh, nên cần phải chấp hành hình phạt tù để có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng trên mức khởi điểm của hình phạt tù đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật; áp dụng dưới mức khởi điểm của khung hình phạt tù đối với tội Cướp tài sản và áp dụng bằng mức khởi điểm của khung hình phạt tù đối với tội Cưỡng đoạt tài sản để xét xử đối với bị cáo.

[8] Đối với bị cáo Trần Văn B và bị cáo Lê Trung H:

[8.1] Xuất phát từ việc bị cáo B và bị cáo H không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền tiêu xài, nên khi được bị cáo Hoài N rủ đi đánh người để kiếm tiền tiêu xài thì B, H đồng ý, khi đi B còn mang theo 01 gậy ba khúc để trong người, điều này cho thấy sự liều lĩnh và ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo B và H là người tích cực trong đồng phạm, cùng với bị cáo Hoài N thực hiện hành vi dùng tay, hung khí đánh, khống chế, bắt, giữ Q1 trái pháp luật, nên cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo này.

[8.1] Xét các bị cáo B và H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng vừa trên mức khởi điểm của khung hình phạt tù đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật, áp dụng bằng mức khởi điểm của khung hình phạt tù đối với tội cướp tài sản để xét xự đối với bị cáo B và bị cáo H.

[9] Đối với bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Trần Văn N1:

[9.1] Bị cáo T và bị cáo Văn N1 không có thoả thuận trước với các bị cáo khác trong việc bắt giữ Q1, nhưng khi thấy bị cáo Hoài N đang bắt giữ Q1 tại quán C2 và nghe Hoài N nói bắt giữ người cho vay lãi nặng, các bị cáo T và Văn N1 không tìm hiểu sự việc như thế nào, đã giúp sức cho các bị cáo khác trong việc bắt giữ Q1, bị cáo Văn N1 có hành vi đe doạ, chửi Q1, còn T đứng giữ Q1 cùng với các bị cáo Hoài N, B, H nhằm mục đích không cho Q1 bỏ trốn. Khi các bị cáo Hoài N, B, H đưa Q1 lên xe của bị cáo Â, thì bị cáo T và Văn N1 điều khiển xe chạy theo đến sân bóng đá P để tiếp sức về tinh thần trong việc bắt, giữ Q1. Do đó, bị cáo T, Văn N1 phải chịu trách nhiệm đồng phạm về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" với vai trò là người giúp sức.

[9.2] Bị cáo T và bị cáo Văn N1 có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm. Do đó cần áp dụng hình phạt tù tương xứng, để có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo T, Văn N1. Tuy nhiên, xét

các bị cáo T và Văn N1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo không tham gia việc bắt giữ Q1 ngay từ đầu, cũng không được hưởng lợi từ việc bắt, sau khi cùng với các bị cáo khác đưa Q1 đến sân bóng đá, các bị cáo không có hành động gì thêm và sau đó tự ra về, nên được xem đồng phạm tội với vai trò không đang kể. Hội đồng xét xử xét thấy bắt bị cáo T và bị cáo Văn N1 chấp hành hình phạt tù bằng với thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam cũng đủ răng đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[10] Đối với bị cáo Trần Hải Â, xét thấy:

[10.1] Bị cáo Â chỉ vì tức giận trong việc L2 (vợ của bị cáo) có vay tiền của đối tượng lạ mặt với lãi xuất cao, không tiền trả, bị gọi điện thoại đe doạ tinh thần, bị cáo Â đã kêu bị cáo Hoài N đi tìm người đã gọi điện thoại hâm doạ L2 để hỏi chuyện. Mặc dù, trước đó bị cáo không có yêu cầu bị cáo Hoài N phải bắt giữ hay đánh đập Quyết, nhưng sau khi bị cáo Hoài N tìm được Q1 và có điện thoại thông tin cho bị cáo Â biết, bị cáo không trình báo Cơ quan Công an để giải quyết, mà bị cáo lại kêu bị cáo Hoài N cùng với các bị cáo B, bị cáo H dùng vũ lực đưa Q1 lên xe mô tô do bị cáo Â trực tiếp điều khiển để chở Q1 đến sân bóng đá, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với các bị cáo khác trong việc bắt, giữ Quyết trái pháp luật. Tuy nhiên, tại sân bóng đá, bị cáo Â chỉ có hành vi đe doạ đối với bị hại Q1, sau đó tự bỏ về, mặc nhiên để cho bị cáo Hoài N, B, H tiếp tục giữ quyết.

[10.2] Bị cáo Â không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hiện đã ly thân với vợ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con còn nhỏ; ngoài lần phạm tội này ra thì bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật. Xét, nếu không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì cũng không nguy hại cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, về thời gian thử thách bằng 02 lần mức phạt tù đã tuyên.

[11] Về hình phạt bổ sung:

Đối với tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", tại khoản 3 Điều 157 Bộ luật Hình sự có quy định: "Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm"; đối với tội "Cướp tài sản", tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự có quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"; đối với tội "Cưỡng đoạt tài sản", tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự có quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Xét thấy, tất cả các bị cáo đều là thành phần lao động, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

[12] Về vật chứng thu giữ trong giai đoạn điều tra, được xử lý như sau:

[12.1] Đối với 02 khóa còng số 8 có ghi chữ BỘ CÔNG AN KC bằng kim loại. Căn cứ Công văn số 1019/QK-VK ngày 12/5/2025 của Cục Q3 thuộc T5 – Kỹ thuật thì Cục Q3 không quản lý, không có thông tin về 02 khoá còng số 8 có đặc điểm, ký hiệu như trên. Xét, đây là công cụ do bị cáo Hoài N dùng vào việc phạm tội, hiện Cục Q3 không quản lý, nên tuyên tịch thu để tiêu hủy.

[12.2] Đối với 01 áo thun, phía trước có ghi chữ Rakuten, phía sau có số 19 và chữ Công an T4; 01 mũ bảo hiểm màu đen. Xét, đây là đồ vật liên quan đến tội phạm, hiện không có giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu để tiêu hủy.

[12.3] Đối với 01 xe mô tô biển số 67K1-351.32, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, màu bạc đen và 01 xe mô tô biển số 67K1-042.74, nhãn hiệu Ferroli, màu đỏ đen. Xét, xe mô tô biển số 67K1-351.32 là tài sản của bà Phạm Thị Thúy H2, xe mô tô, biển số 67K1-042.74 là tài sản của bà Trần Thị Thúy U. Bà U và H2 không biết các bị cáo Hoài N, Văn N1 sử dụng xe này làm phương tiện đi tìm Q1, các bị cáo cũng không trực tiếp sử dụng phương tiện này để chở Q1, nên không tịch thu mà tuyên trả lại cho Trần Thị Thúy U và Phạm Thị Thúy H2.

[12.4] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu vàng đen, biển số 66N1-138.94, đã qua sử dụng. Xét, đây là phương tiện do bị cáo Â dùng vào việc bắt giữ Quyết trái pháp luật, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã có thông báo truy tìm chủ sở hữu, nhưng đến nay không xác định được chủ sở hữu hợp pháp, nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[13] Về trách nhiệm dân sự, xét thấy:

[13.1] Trong quá trình điều tra, bị hại Mai Văn Q1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.450.000 đồng bị cướp và cũng không có yêu cầu nào khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13.2] Đối với số tiền 2.450.000 đồng do bà Thạch Thị Minh C (vợ bị cáo Hoài N) nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - An Giang để bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo Hoài N. Do bị hại Q1 không có yêu cầu nhận lại số tiền này, nên tuyên lại trả cho Thạch Thị Minh C.

[14] Về án phí sơ thẩm: Tất cả các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Đối với, Nguyễn Hoài N, Trần Văn B, Lê Trung H có hành vi dùng tay, hung khí đánh Mai Văn Q1, do Q1 từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với các bị cáo về hành này là có căn cứ.

[16] Đối với, Nguyễn Hoài N có hành vi cất giấu 02 khóa còng số 8, có ghi chữ BỘ CÔNG AN KC bằng kim loại tại nhà của H. Tuy nhiên, do hiện Cục

Q3 không quản lý, không có thông tin về 02 khoá còng số 8 này, nên chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hoài N, về tội *"Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ"*. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đề nghị xử phạt hành chính là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoài N, phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", tội "Cướp tài sản" và tội "Cưỡng đoạt tài sản"; các bị cáo Trần Văn B, Lê Trung H, phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Cướp tài sản"; các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Văn N1 và Trần Hải Â, phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; khoản 1 Điều 170; Điều 17, Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N 01 (một) năm về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; 02 (hai) năm tù về tội "Cướp tài sản" và 01 (một) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 03/4/2025 .

Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 07 (bảy) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 03 (ba) năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 03 (ba) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/4/2025 .

Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Trung H 07 (bảy) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 03 (ba) năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 03 (ba) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 03/4/2025 .

Căn cứ khoản 1 Điều 157; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 07 (bảy) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 03/4/2025. Trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Nguyễn Minh T, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Văn N1 07 (bảy) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 03/4/2025. Trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Trần Văn N1, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; Điều 17, Điều 38; điểm i, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Hải Â 01 (một) năm tù. Cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày 25/11/2025.

Giao bị cáo Trần Hải Â cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Â thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu cho tiêu hủy 02 (hai) khóa còng số 8 có ghi chữ BỘ CÔNG AN KC bằng kim loại; 01 (một) áo thun, phía trước có ghi chữ Rakuten, phía sau có số 19 và chữ Công an T4 và 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen.

Tịch thu để phát mãi nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu vàng đen, biển số 66N1-138.94, đã qua sử dụng.

Trả lại cho Phạm Thị Thúy H2 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, màu bạc đen, biển số 67K1-351.32, đã qua sử dụng.

Trả lại cho Trần Thị Thúy U 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Ferroli, màu đỏ đen, biển số 67K1-042.74, đã qua sử dụng.

Vật chứng hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - An Giang đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/10/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A và Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Ghi nhận việc bị hại Mai Văn Q1 không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Hoài N, Trần Trung B1 và Lê Trung H trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Hoàn trả lại cho bà Thạch Thị Minh C số tiền 2.450.000 đồng (hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001214 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hoài N, Trần Văn B, Lê Trung H, Nguyễn Minh T, Trần Văn N1 và Trần Hải Â mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo Nguyễn Hoài N, Trần Văn B, Lê Trung H, Nguyễn Minh T, Trần Văn N1, Trần Hải Â, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thúy U, Thạch Thị Minh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Mai Văn Q1, người có quyền lời, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Thúy H2 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND khu vực 12 (1);
- Phân trại tạm giam An Phú (3);
- CQTHAHS Công an tỉnh An Giang (2);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh An Giang (1);
- Bộ phận THAHS Toà án khu vực 12 (2);
- THADS tỉnh An Giang (2);
- Những người tham gia tố tụng (3);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Sơn